

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 27.7.2022

KHI TU CAO KHÔNG MANG NGUYỆN LỚN

Kinh Kaṭṭhahāra (Kaṭṭhahārasuttam)

CHƯƠNG VII. TƯƠNG ƯNG BÀ LA MÔN – PHẨM CƯ SĨ (S. I, 180)

Người đời khi thấy một tu sĩ chân tu khả kính thường nghĩ là tu như vậy phải có sở nguyện cao cả để chứng đạt cái gì đó phi thường. Nhìn hình ảnh Đức Phật tinh toạ trang nghiêm giữa chốn rừng sâu, ông bà la môn không thể không nghĩ đến một bậc xuất trần thượng sĩ với đại nguyện cao cả mới được như vậy. Câu trả lời của Đức Phật làm chấn động tâm tư ông ấy hơn cả hình ảnh độc cư thiên toạ của Ngài: Không mong cầu chấp trước gì thì mới không còn vô minh, và do vậy, an nhiên giữa rừng sâu núi thẳm. Tất cả những mong cầu đều đưa tâm hướng đến những gì không thuộc hiện tại, hiện tiền. Những ước vọng có xuất xứ từ vô minh. Chỉ có bậc không còn khát vọng mới có thể tự tại. Đây là điều ít người nhận ra: tu tập là sống với thực tại bằng tỉnh thức chứ không phải là chạy đuổi theo cái gì đó dù được xem là cao vợi.



Kinh Văn

Ekam samayaṃ bhagavā kosalesu viharati aññatarasmim vanasaṇḍe. Tena kho pana samayena aññatarassa bhāradvājagottassa brāhmaṇassa sambahulā antevāsikā kaṭṭhahārakā māṇavakā yena vanasaṇḍo tenupasaṅkamimsu; upasaṅkamtivā addasaṃsu bhagavantam tasmim vanasaṇḍe nisinnam pallaṅkam ābhujitvā ujum kāyaṃ paṇidhāya parimukham satim upaṭṭhapetvā. Disvāna yena bhāradvājagotto brāhmaṇo tenupasaṅkamimsu; upasaṅkamtivā bhāradvājagottam brāhmaṇam etadavocum – “yagghe, bhavam jāneyyāsi! Asukasmim vanasaṇḍe samaṇo nisinno pallaṅkam ābhujitvā ujum kāyaṃ paṇidhāya parimukham satim upaṭṭhapetvā”.

Thuở ấy Đức Thế Tôn trú ở tại một khu rừng trong xứ Kosala. Bấy giờ có một số thanh niên học trò của bà la môn dòng Bhāradvāja vào khu rừng ấy tìm lượm củi. Họ trông thấy Đức Thế Tôn đang ngồi kiết già, lưng thẳng, hướng chánh niệm phía trước. Thấy vậy liền đi về thưa lại với bà la môn dòng Bhāradvāja: Thưa Thầy, Thầy

nên biết trong rừng có một sa môn đang ngồi kiết già, lưng thẳng, trú niệm trước mặt.

Atha kho bhāradvājagotto brāhmaṇo tehi māṇavakehi saddhiṃ yena so vanasaṇḍo tenupasaṅkamaṃ. Addasā kho bhagavantam tasmim vanasaṇḍe nisinnam pallaṅkam ābhujitvā ujum kāyaṃ paṇidhāya parimukham satim upaṭṭhapetvā. Disvāna yena bhagavā tenupasaṅkamaṃ; upasaṅkamtivā bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –

**“Gambhīrarūpe bahubherave vane,
Suññaṃ araññaṃ vijanaṃ vigāhiya;
Aniñjamānena ṭhītena vaggunā,
Sucārurūpaṃ vata bhikkhu jhāyasi.**

**“Na yattha gītaṃ napi yattha vāditam,
Eko arañṇe vanavassito muni;
Accherarūpaṃ paṭibhāti maṃ idaṃ,
Yadekako pītimano vane vase.**

**“Maññāmaṃ lokādhipatisahabyataṃ,
Ākaṅkhamāno tidivaṃ anuttaram;
Kasmā bhavaṃ vijanamaraññaṃmassito,
Tapo idha kubbaṃsi brahmapattiyā”ti.**

Rồi ông bà la môn cùng với những thanh niên bà la môn đi vào rừng gặp Đức Thế Tôn đang thiền tọa, lưng thẳng, trú niệm trước mặt. Ông bà la môn nói lên kệ ngôn:

“Vào giữa chốn thâm u
Rừng sâu đầy kinh hãi
Thân bất động, trang nghiêm
Tỳ khru thiên, tướng hảo.

“Không lời ca, tiếng nhạc
Ăn sĩ trú giữa rừng
Độc cư tâm tịnh lạc
Khiến lòng con quý kính.

“Chắc Ngài mong sanh thiên
Cộng trú cùng Thiên chúa
Ngài khổ tu trong rừng

Đề chứng quả Phạm thiên?

(Thế Tôn):

**“Yā kāci kaṅkhā abhinandanā vā,
Anekadhātūsu puthū sadāsītā;
Aññāṇamūlappabhavā pajappitā,
Sabbā mayā byantikatā samūlikā.**

**“Svāhaṃ akaṅkho asito anūpayo,
Sabbesu dhammesu visuddhadassano;
Pappuyya sambodhimanuttaraṃ sivaṃ,
Jhāyāmaṃ brahma raho visārado”ti.**

“Bất cứ hỷ, lạc gì
Đều chấp thủ căn nguyên
Ái sanh từ vô minh
Ta đã đoạn tận gốc.

“Không mong cầu, chấp trước
Vớ tri kiến thanh tịnh
Chúng vô thượng chánh giác
Phạm chí! Ta tự tại
Trong độc cư thiên tịnh.

**Evam vutte, bhāradvājagotto brāhmaṇo bhagavantam etadavoca –
“abhikkantam, bho gotama abhikkantam, bho gotama...pe... ajjatagge
pāṇupetaṃ saraṇam gata”nti.**

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

-- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Diệu Pháp được Tôn giả Gotama hiển bày như người dựng đứng những gì bị ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, hay đem đèn sáng vào chỗ tăm tối để những ai có mắt thấy được. Con xin nương tựa Đức Thế Tôn Gotama, xin nương tựa Pháp, xin nương tựa tỳ khuru Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.



Thích văn

(Bổ túc sau)



Thích nghĩa

Ta Bà Giáo Chủ Tam Thiên Điều Ngự (lokādhipati tidivam anuttaram) là cách gọi của bà la môn giáo chỉ cho Đại Phạm Thiên (Mahābrahma). Cụm từ này được Phật giáo Đại Thừa thường dùng để chỉ cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Theo Sớ Giải thì hỷ (kaṅkhā), lạc (abhinandanā), và chấp trước (pajappitā) đều là những hình thái của ái chấp (taṇhā). Gốc rễ không hiểu biết (Aññānamūla) chính là vô minh (avijjā).

Tỳ khuru Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

8. Kaṭṭhahārasuttam [Mūla]

204. Ekam samayaṃ bhagavā kosalesu viharati aññatarasmim vanasaṇḍe. Tena kho pana samayena aññatarassa bhāradvājagottassa brāhmaṇassa sambahulā antevāsikā kaṭṭhahārakā māṇavakā yena vanasaṇḍo tenupasaṅkamimsu; upasaṅkamtivā addasaṃsu bhagavantam tasmim vanasaṇḍe nisinnam pallaṅkam ābhujitvā ujum kāyaṃ paṇidhāya parimukham satim upaṭṭhapetvā. Disvāna yena bhāradvājagotto brāhmaṇo tenupasaṅkamimsu; upasaṅkamtivā bhāradvājagottam brāhmaṇam etadavocum – “yagghe, bhavam jāneyyāsi! Asukasmim vanasaṇḍe samaṇo nisinno pallaṅkam ābhujitvā ujum kāyaṃ paṇidhāya parimukham satim upaṭṭhapetvā”. Atha kho bhāradvājagotto brāhmaṇo tehi māṇavakehi saddhim yena so vanasaṇḍo tenupasaṅkami. Addasā kho bhagavantam tasmim vanasaṇḍe nisinnam pallaṅkam ābhujitvā ujum kāyaṃ paṇidhāya parimukham satim upaṭṭhapetvā. Disvāna yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi –

“Gambhīrarūpe bahubherave vane,
Suññaṃ araññaṃ vijanaṃ vigāhiya;
Aniñjamānena ṭhitena vaggunā,
Sucārurūpaṃ vata bhikkhu jhāyasi.

“Na yattha gītaṃ napi yattha vādiṃ,
Eko araññe vanavassito muni;
Accherarūpaṃ paṭibhāti maṃ idaṃ,
Yadekako pītimano vane vase.

“Maññāmaḥaṃ lokādhipatisahabyataṃ,
Ākaṅkhamāno tidivaṃ anuttaraṃ;
Kasmā bhavaṃ vijanamaraññaṃmassito,
Tapo idha kubbase brahmapattiyā”ti.

“Yā kāci kaṅkhā abhinandanā vā,
Anekadhātūsu puthū sadāsītā;
Aññānamūlappabhavā pajappitā,
Sabbā mayā byantikātā samūlikā.

“Svāhaṃ akaṅkho asito anūpayo,
Sabbesu dhammesu visuddhadassano;
Pappuyya sambodhimanuttaraṃ sivaṃ,
Jhāyāmaḥaṃ brahma raho visārado”ti.

Evam vutte, bhāradvājagotto brāhmaṇo bhagavantaṃ etadavoca – “abhikkantaṃ,
bho gotama abhikkantaṃ, bho gotama...pe... ajjatagge paṇupetaṃ saraṇaṃ gata”nti.

8. Kaṭṭhahārasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

204. Aṭṭhame **antevāsikā**ti veyyāvaccam katvā sippuggaṇhanakā
dhammantevāsikā. **Nisinnanti** chabbaṇṇarasmiyo vissajjetvā nisinnaṃ.
Gambhīrarūpeti gambhīrasabhāve.

Bahubheraveti tatraṭṭhakasaviññāṇakaaviññāṇakabheravehi bahubherave.
Vigāhiyāti anupavisitvā. **Aniñjamānenāti**ādīni kāyavisesanāni, evarūpena kāyenāti
attho. **Sucārurūpaṃ vatāti** atisundaraṃ vata jhānaṃ jhāyasīti vadati.

Vanavassito munīti vanaṃ avassito buddhamuni. **Idanti** idaṃ tumhākaṃ evam
vane nisinnakāraṇaṃ mayhaṃ accherarūpaṃ paṭibhāti. **Pītimanoti** tuṭṭhacitto. **Vane**
vaseti vanamhi vasi.

Maññāmahanti maññāmi ahaṃ. **Lokādhipatisahabyatanti**
lokādhipatimahābrahmunā sahabhāvaṃ. **Ākaṅkhamānoti** icchamāno. **Tidivaṃ**

anuttaranti idaṃ brahmalokameva sandhāyāha. **Kasmā bhavaṃ vijanamaraññamassitoti** ahaṃ tāva brahmalokaṃ ākaṅkhamānoti maññāmi. Yadi evaṃ na hoti, atha me ācikkha, kasmā bhavanti? Pucchati. **Brahmapattiyāti** seṭṭhapattiyā. Idha idaṃ tapo kasmā karosīti aparenapi ākārena pucchati.

Kaṅkhāti taṇhā. **Abhinandanāti** abhinandanavasena taṇhāva vuttā. **Anekadhātūsūti** anekasabhāvesu ārammaṇesu. **Puthūti** nānappakārā taṇhā sesakilesā vā. **Sadāsītāti** niccakālaṃ avassitā. **Aññānamūlappabhavāti** avijjāmūlā hutvā jātā. **Pajappitāti** taṇhāva “idampi mayhaṃ, idampi mayha”nti pajappāpanavasena pajappitā nāmāti vuttā. **Sabbā mayā byantikātāti** sabbā taṇhā mayā aggamaggena vigatantā nirantā katā. **Samūlikāti** saddhiṃ aññānamūlena.

Anūpayoti anupagamano. **Sabbesu dhammesu visuddhadassanoti** iminā sabbaññutaññānaṃ dīpeti. **Sambodhimanuttaranti** arahattaṃ sandhāyāha. **Sivanti** seṭṭhaṃ. **Jhāyāmīti** dvīhi jhānehi jhāyāmi. **Visāradoti** vigatasāraṃ. Aṭṭhamāṃ.